TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1582/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 783/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5048/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A đường X, Khu phố B, phường T, TP. H.

Bị đơn: Ông Thân Thanh M, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A đường X, Khu phố B, phường T, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chúc L trình bày:

Bà L xây dựng gia đình cùng với ông M vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh B (Nay là phường G, tỉnh C). Quá trình sống chung, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hòa thuận, nhưng càng về sau có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do ông M có lối sống gia trưởng, mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đi bêu riếu khắp nơi kể cả gia đình bà, điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bà, ngoài ra ông M có

hành vi đánh đập và xúc phạm bà, đời sống vợ chồng rất căng thẳng và thường xảy ra xung đột. Hai bên nhiều lần ngồi lại giải quyết nhưng không có kết quả, để tránh việc xung đột nghiêm trọng hơn bà có ra ngoài thuê phòng trọ ở, tuy nhiên bà vẫn đi về để phụ lo cho con. Bản thân bà cũng vì con mà kéo dài cuộc hôn nhân đến hôm nay. Vợ chồng ông bà đã ly thân 03 năm, mỗi người đều có công việc, có cuộc sống riêng, nay các con tuy chưa trưởng thành nhưng cũng có thể tự biết chăm sóc bản thân và cũng hiểu được chút ít tình cảm của ông bà không được trọn vẹn. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông M, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thân Thanh M.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung tên Thân Thanh T1, sinh ngày 24/9/2008; Thân Thanh T2, sinh ngày 09/4/2012 và Thân Thanh T3, sinh ngày 11/7/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi các con 10.000.000 đồng/tháng. Trường hợp ông M đồng ý nuôi con và không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con bà cũng đồng ý, vì hiện tại các con đang sống ổn định tại căn nhà chung của vợ chồng, ông M làm việc có thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi con. Trường hợp ông M nuôi con bà vẫn đi về cùng ông M chăm sóc cho các con và cố gắng làm việc dành dụm tiền phụ ông M lo cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thân Thanh M - là bị đơn trình bày:

Ông M xác định những lời bà L trình bày về quá trình ông bà xây dựng gia đình và con chung là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ban đầu vẫn hạnh phúc, về sau có những mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bà L có lối sống không lành mạnh, thường xuyên nhậu nhẹt, tụ tập bạn bè không chăm lo con cái. Ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vẫn không sửa đổi, ngoài ra bà L sống không chung thủy, mỗi lần vợ chồng xung đột hay bỏ nhà đi. Hiện vợ chồng ông bà đã ly thân 3 năm. Mâu thuẫn vợ chồng đã hòa giải nhưng bà L vẫn không thay đổi. Tại bản khai ông có trình bày tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông vẫn muốn con cái có cha có mẹ, vợ chồng cùng nhau lo cho con. Nay ông xác định lại vẫn còn thương bà L. Ông cũng nhận thấy bản thân mỗi người cũng có cái sai, vì vậy ông vẫn mong muốn bà L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau lo cho con. Ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Thân Thanh T1, sinh ngày 24/9/2008; Thân Thanh T2, sinh ngày 09/4/2012 và Thân Thanh T3, sinh ngày 11/7/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi 03 con 10.000.000 đồng/tháng, ông không đồng ý vì hiện nay các con đang ở với ông ổn định và ông là người đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản khai ông có trình bày trường hợp Tòa giải quyết ly hôn và giao các con cho bà L nuôi con thì bà L tự nuôi ông không đồng ý cấp dưỡng, ông biết tự lo cho con. Nay ông xác định lại, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông xin được nuôi con và không yêu cầu bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

+ Thẩm quyền giải quyết: Thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền;

+ Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý đương sự;

+ Thực hiện đúng việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp, phiên hòa giải, cấp tống đạt văn bản tố tụng;

+ Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với ông Thân Hoàng Minh.

Về con chung: Giao 03 con chung cho ông Thân Thanh M nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Chúc L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Thân Thanh M, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông M có địa chỉ cư trú tại phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - TP. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con. Trường hợp ông M đồng ý nuôi các con thì bà giao con cho ông M nuôi dưỡng, bà phụ ông M chăm sóc con.

Bị đơn: Ông Thân Thanh M vẫn giữ ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn, ông xin được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn xã P, thị xã G, tỉnh B (Nay là phường G, tỉnh C) theo giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 05/10/2009, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Bà L yêu cầu ly hôn với ông M do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà L và ông M có thời gian chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2009. Hai bên xác nhận mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, đã cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, thời gian sống ly thân từ 03 năm nay, trong thời gian ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, chia sẻ, đôi bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên Tòa, mặc dù ông M xác định lại là còn thương bà L, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M không đưa ra được phương án giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn cũng như việc nuôi con của các đương sự để có cơ sở giải quyết vụ kiện. Kết quả xác minh thể hiện: Ủy ban nhân dân phường Thới An chưa tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn giữa ông M và bà L. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa đã tổ chức hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng các bên vẫn giữ quan điểm của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm thương yêu, nuôi nấng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Như đã phân tích ở trên thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Xét việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn: Căn cứ giấy khai sinh do bà L cung cấp thể hiện bà L và ông M có 03 con chung tên: Thân Thanh T1, sinh ngày 24/9/2008; Thân Thanh T2, sinh ngày 09/4/2012 và Thân Thanh Thạnh, sinh ngày 11/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M và bà L xác nhận hiện nay các con đang sống chung với ông M tại nhà chung của vợ chồng, hiện ông M đang trực tiếp nuôi dưỡng lo việc học hành cho các con vì ông M là người làm kinh tế chính và có điều kiện chăm lo cho các con, bà L đang thuê nhà, công việc không ổn định, mặc dù bà có đi về phụ ông M chăm sóc cho các con. Yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà L không được ông M chấp nhận. Ông M trình bày nếu Tòa giải quyết ly hôn ông xin được nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Yêu cầu của ông được bà L đồng ý. Các con có nguyện vọng ở với cha. Hội đồng xét xử xét thấy con trẻ cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của cha hoặc mẹ. Hiện các con đang ở chung với ông M ổn định và ông M là người trực tiếp nuôi dạy các con, ông M là người có điều kiện về kinh tế để đảm bảo chăm sóc đời sống cũng như việc học hành cho các con. Yêu cầu nuôi con của ông M bà L cũng đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của của con trẻ. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 03 con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông M không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của ông M và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Nguyễn Thị Chúc L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Chúc L đã nộp theo biên lai thu số 0026477 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 225, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với ông Thân Thanh M .

Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 05/10/2009 do Ủy ban nhân dan xã P, thị xã G, tỉnh B (Nay là phường G, tỉnh C) cấp cho bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Thân Thanh M hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Thân Thanh T1, sinh ngày 24/9/2008; Thân Thanh T2, sinh ngày 09/4/2012 và Thân Thanh T3, sinh ngày 11/7/2019 cho ông Thân Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thân Thanh M không yêu cầu bà Nguyễn Thị Chúc L cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0026477 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự TP. H. Bà Nguyễn Thị Chúc L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP.Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 7 –TP. Hồ Chí Minh;
-Phòng THA DS Khu vực 7- TP. Hồ Chí Minh;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế